

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PA  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 22/7/2020  
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Nhiều

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tạ Thị Hải và bà Phan Thị Mỹ Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích Th, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Phú, xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Chu Công Ch, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Phú, xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.  
Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lê Thị Bích Th trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2010 tôi và anh Chu Công Ch tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 04/6/2012 theo quy định pháp luật. Tôi và anh Ch sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, anh Ch hay chơi bời còn thể chấp và đập phá tài sản trong nhà, không lo làm ăn để nuôi con, vợ chồng đã sống ly thân gần một năm. Do vậy, tôi và anh Ch không thể tiếp tục chung sống được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ch.

*Về con chung:* Chúng tôi có 02 con chung là cháu Chu Lê Ái M, sinh ngày 03/6/2011 và cháu Chu Công Th, sinh ngày 18/10/2013. Nếu Tòa án giải quyết tôi và anh Ch ly hôn thì tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu cho đến khi trưởng thành, tôi không yêu cầu anh Ch phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cháu M và cháu Th.

*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản:* Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2020 bị đơn anh Chu Công Ch trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và cô Lê Thị Bích Th có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 04/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đôi lúc xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng bản thân suy nghĩ mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, bản thân đã tự khắc phục sửa chữa để vợ chồng sống hạnh phúc. Hiện nay cô Thu yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa tôi và cô Th thì tôi không đồng ý ly hôn, vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ trầm trọng.

*Về con chung:* Chúng tôi có 02 con chung là cháu Chu Lê Ái M, sinh ngày 03/6/2011 và cháu Chu Công Th, sinh ngày 18/10/2013. Hiện tại các con đang ở với cô Th tại nhà mẹ ruột của cô Th. Tôi mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi con chung. Sau này vợ chồng không đoàn tụ thì tôi sẽ yêu cầu giải quyết về con chung sau.

*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản:* Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa có quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng trong vụ án và Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, gửi thông báo cũng như tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như tổng đạt văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định. Việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 28, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Bích Th và anh Chu Công Ch được ly hôn trước pháp luật.

*Về con chung:* Giao 02 con chung chưa thành niên là cháu Chu Lê Ái M, sinh ngày 03/6/2011 và cháu Chu Công Th, sinh ngày 18/10/2013 cho chị Lê Thị Bích Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị Th phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con quy định tại khoản 1 và 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lê Thị Bích Th và bị đơn anh Chu Công Ch cùng có nơi cư trú tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Chu Công Ch đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Ch vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích Th và anh Chu Công Ch chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 04/6/2012. Việc kết hôn của chị Lê Thị Bích Th và anh Chu Công Ch đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Chu Công Ch như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Chu Công Ch không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Chu Công Ch vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi đương sự có mặt tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và lời trình bày của các đương sự:

Chị Lê Thị Bích Th trình bày nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Chu Công Ch là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống luôn ở trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được.

[5] Ngày 21/02/2020, Tòa án đã xác minh tại thôn Quỳnh Phú, xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai về những mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Lê Thị Bích Th và anh Chu Công Ch. Kết quả xác minh thể hiện việc chị Lê Thị Bích Th và anh Chu Công Ch bất đồng quan điểm sống anh Ch hay ghen tuông vô cớ, bất đồng trong làm ăn kinh tế, mâu thuẫn đã kéo dài và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân chị Th đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Hiện tại chị Lê Thị Bích Th và anh Chu Công Ch không quan tâm, chăm sóc cho nhau, không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng đối với nhau. Điều này thể hiện đời sống hôn nhân của chị Lê Thị Bích Th và anh Chu Công Ch đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Bản thân anh Chu Công Ch mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có cách nào để giải quyết được những mâu thuẫn trầm trọng giữa hai vợ chồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích Th, xử cho chị Lê Thị Bích Th được ly hôn với anh Chu Công Ch theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về nuôi con: Chị Th và anh Ch có 02 con chung chưa thành niên là cháu Chu Lê Ái M, sinh ngày 03/6/2011 và cháu Chu Công Th, sinh ngày 18/10/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Thu có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con thành niên. Chị Th không yêu cầu anh Ch phải có trách nhiệm cấp dưỡng

nuôi con chung. Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Chu Lê Ái M thì cháu M có nguyện vọng được chị Thu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao các cháu là Chu Lê Ái M, sinh ngày 03/6/2011 và cháu Chu Công Th, sinh ngày 18/10/2013 cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và theo yêu cầu của chị Th thì anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Th phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích Th được ly hôn với anh Chu Công Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung chưa thành niên là cháu Chu Lê Ái M, sinh ngày 03/6/2011 và Chu Công Th, sinh ngày 18/10/2013 cho chị Lê Thị Bích Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Chu Công Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Ch được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Ch lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người người không trực tiếp nuôi con.

Chị Lê Thị Bích Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích Th phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006195 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Lê Thị Bích Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/7/2020) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Chi cục THADS h. Krông Pa;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lê Văn Nhiều**

